TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2018/DS-ST
Ngày: 28/3/2018
V/v: Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
  Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Đức
  Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Bà Nguyễn Thị Lương.
  2. Ông Nguyễn Thành Lân
- **Thư ký phiên tòa**: ông Hoàng Chí Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 304/2015/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2015 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-DS ngày 28/02/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951
Địa chỉ : Đường B, Phường B, quận T, Tp. Hồ Chí Minh
Đại diện theo ủy quyền của bà N: ông Trần T Bình, sinh năm 1975.
(giấy ủy quyền ngày 06/6/2017)
Địa chỉ: Đường M, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1947 và bà Lê Thị Sáu, sinh năm 1950. (vắng mặt không lý do)
Địa chỉ: Đường T, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Hồng T, sinh năm 1948. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Đường B, Phường B, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn L, H. B, tỉnh Bình Thuận
Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Xuân Hưng, sinh năm 1976
(giấy ủy quyền ngày 12/01/2016 - có đơn xin xét xử vắng mặt)
Thường trú: Khu Đ, P. T, T, Tp.HCM
Địa chỉ liên hệ: Đường A, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Vũ Quốc Đ và bà Lê Thị Sáu được Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý; bà N bổ sung tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời tại bản tự khai ngày 05/12/2017 bà N trình bày:

Giữa bà với vợ chồng ông Vũ Quốc Đ và bà Lê Thị Sáu là bạn bà thân quen thường giúp nhau trong công việc làm ăn từ nhiều năm nay, còn chị Nguyễn Thị Lệ H là cháu gọi ông Đ bà Sáu là dì dượng.

Từ ngày 09/12/2012 đến ngày 02/4/2013, bà N rút số tiền trong hạn mức sử dụng của bà tại Ngân hàng Công thương chi nhánh 12 Tân Bình cho vợ chồng ông Đ và bà Sáu mượn tất cả 10 lần tiền với tổng số 3.900.000.000 đồng, ông Đ bà Sáu đề nghị cho chị Nguyễn Thị Lệ H làm thủ tục nhận hộ ông bà toàn bộ số tiền bà N cho mượn rồi về giao lại cho ông Đ bà Sáu.

Ngày 26/8/2013 bà H làm giấy cam kết xác nhận tổng số tiền vay của bà N cho vợ chồng ông Đ bà Sáu sử dụng là 3.900.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2013 ông Đ bà Sáu đã làm giấy cam kết trả hết số nợ cho bà N mà bà H mượn dùm cho ông bà vào cuối tháng 9/2013; giấy này có ông Vũ Quốc Đ và bà Lê Thị Sáu, chị Nguyễn Thị Lệ H và bà Nguyễn Thị N cùng ký tên.

Đến ngày 01/4/2014 bị đơn trả cho bà N được 2.100.000.000 đồng vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng Công thương chi nhánh 12 Tân Bình (có bản sao kê của Ngân hàng kèm theo).

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2015, trong các bản tự khai và hòa giải tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình trước đây nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 2.400.000.000 đồng và 01 tỷ đồng tiền nợ lãi.

Ngày 08/01/2018 tại đơn giải trình và rút lại một phần yêu cầu, bà N trình bày: trong đơn khởi kiện trước đây là ông Đ bà Sáu vay của bà 3.900.000.000 đồng, ngày 01/4/2014 bị đơn trả cho bà được 2.100.000.000 đồng vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng Công thương chi nhánh 12 Tân Bình (có bản sao kê của Ngân hàng kèm theo), bà cho rằng trong 2.100.000.000 đồng trả cho bà là có 600.000.000 đồng tiền lãi, tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, vì vậy bà N yêu cầu bị đơn trả:

Số tiền nợ gốc còn lại là 3.900.000.000 đ – 1.500.000.000 đ = 2.400.000.000 đ.

Tiền lãi là 1.000.000.000 đồng, tổng cộng: 3.400.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền 2.400.000.000 đồng là bà N cộng cả 600.000.000 đồng tiền lãi mà Ngân hàng trừ trong số 2.100.000.000 đồng ông Đ bà Sáu trả trước. Còn tiền lãi khoảng 01 tỷ đồng do bị đơn chậm trả là do bà N phỏng đoán, chưa có giấy tờ chứng minh. Do vậy bà N yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc còn lại là 1.800.000.000 đồng, số tiền 600.000.000 đồng bà N không tính đó là tiền lãi mà bà đồng ý tính vào tiền nợ gốc bị đơn đã trả. Số nợ gốc còn lại là:

3.900.000.000 đồng – 2.100.000.000 = 1.800.000.000 đồng.

Như vậy, bà N rút lại yêu cầu khởi kiện so với khởi kiện ban đầu là 2.100.000.000 đồng.

Nay tại bản tự khai ngày 05/12/2017 nguyên đơn rút lai một phần yêu cầu và chỉ yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là: 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu) đồng và số tiền lãi quá hạn theo lãi suất cơ bản 9%/năm (tương đương với 0.75%/ tháng) của ngân hàng nhà nước do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo 2 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Tiền lãi chậm thực hiện đối với số nợ 3.900.000.000 đồng từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/03/2014 (5 tháng 29 ngày):

- 3.900.000.000 đồng x 0.75% x 5 tháng = 146.250.000 đồng

- 3.900.000.000 đồng x 0.025%/ ngày x 29 ngày = 28.275.000 đồng

Tổng cộng lãi giai đoạn 1 là:146.250.000 đồng + 28.275.000 đồng = 174.525.000 đồng

Giai đoạn 2: Tiền lãi chậm thực hiện đối với số nợ 1.800.000.000 đồng từ ngày 02/04/2014 đến ngày 02/12/2017 (44 tháng):1.800.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 44 tháng = 594.000.000 đồng

Tổng cộng lãi 2 giai đoạn là: 174.525.000 đồng + 594.000.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi yêu cầu là:

1.800.000.000 đồng + 594.000.000 đồng + 174.525.000 đồng = 2.568.525.000 (hai tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2015, bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Ông Vũ Quốc Đ và bà Lê Thị Sáu là dì dượng của bà, giữa ông bà với bà N có quan hệ làm ăn với nhau nhiều năm, có uy tín và rất tin tưởng nhau, cho nên các lần vay tiền giữa ông Đ bà Sáu với bà N thì bà N đều đưa tiền cho bà để bà đưa tiền lại cho ông Đ bà Sáu, các lần nhận tiền của bà N bà H đều viết giấy nhận tiền của bà N, bà đã viết giấy vay tiền, nhận tiền của bà N từ ngày 05/9/2012 đến ngày 02/4/2013 với tổng số tiền là 3.900.000.000 đồng. Việc viết giấy vay tiền, nhận tiền của bà N thay cho ông Đ bà Sáu thì ông Đ bà Sáu thừa nhận và ngày 30/8/2013 ông bà viết giấy cam kết trả hết số nợ này cho bà N vào cuối tháng 9/2013. Đồng thời bà H biết được vào ngày 01/4/2014 bị đơn đã chuyển trả chi bà N được 2.100.000.000 đồng, từ đó đến nay bà N với ông Đ bà Sáu chưa chốt lại số nợ còn thiếu là bao nhiêu.

Với nội dung trình bày bên trên, bà H thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông Đ bà Sáu là đúng, bà không chịu trách nhiệm, nghĩa vụ gì trong vụ kiện này. Ngày 21/12/2015 bà H mời luật sư Nguyễn Xuân Hưng – Văn phòng luật sư Hưng Thịnh Phát bảo vệ quyền lợi cho bà tại Tòa án, ngày 12/01/2016 bà lập Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Hưng làm người đại diên theo ủy quyền cho bà tham gia tố tụng tại Tòa án, ngày 28/3/2018 ông Hưng làm đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 28/3/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đặng Hồng T:

Ngày 06/11/2017 ông Đặng Hồng T đã nộp đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và dành quyền kháng cáo cho bà H, cho ông T theo quy định của luật pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình có gửi Thông báo thụ ký cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của bà N và triệu tập ông Đ bà Sáu đến Tòa án để trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình đối với vụ kiện, nhưng ông Đ bà Sáu không đến và không có ý kiến phản hồi; ngày 23/11/2015 Tòa án nhân dân quận Tân Bình xác minh nơi cư trú của ông Đ bà Sáu tại địa chỉ đường T, Phường M, quận T, theo kết quả xác minh tại Công an phường 13, Tân Bình ngày 24/11/2015 cho biết: "Ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1947 và bà Lê Thị Sáu, sinh năm 1950 có hộ khẩu thường trú tại số đường T, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh, không có mặt tại địa phương đi đâu không rõ".

Ngày 18/10/2015 bà N nộp đơn yêu cầu Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm - Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 của ông Đ bà Sáu, bà N đã nộp tiền thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Maxi Mark Cộng Hòa 2 (ACB) và ACB đã phong tỏa số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong tài khoản số 205559409 của khách hàng Nguyễn Thị N. Ngày 22/10/2015 Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2015/QĐ-BPKKTT phong tỏa số tiền gởi tại tài khoản số 1290.100.1865.4818 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 của ông Đ bà Sáu, đã được Tòa án nhân dân quận Tân Bình và Chi cục Thi hành án quận Tân Bình thực hiện việc tống đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định này đến các bên liên quan theo quy định của Luật thi hành án năm 2014 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 24/4/2016 bà N nộp cho Tòa án Giấy báo địa chỉ người bị kiện là 9518 Weldridgedr Sugarland TEXAS 77498 USA, ngày 10/6/2016 Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành công văn số 655/TAQTB gửi đến USA, triệu tập ông Đ bà Sáu tại địa chỉ ghi trên, ngày 15/6/2016 Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành công văn số 615/TTTPDS-TA V/v tương trợ tư pháp gửi đến Bộ Tư pháp, ngày 08/7/2016 Bộ tư pháp có công văn số 2830/BTP-PLQT V/v thực hiện tư pháp gửi đến Bộ ngoại giao (Cục Lãnh sự) đề nghị Bộ ngoại giao (Cục Lãnh sự) tiến hành thực hiện công việc Ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, nhưng mãi đến ngày 20/7/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác tư pháp.

Ngày 20/7/2017 bà N có đơn yêu cầu; bà cho rằng địa chỉ của ông Đ bà Sáu ở tại 9518 Weldridgedr Sugarland TEXAS 77498 USA là do người quen của bị đơn cung cấp; vì nôn nóng đòi tài sản nên đã cung cấp địa chỉ nêu trên cho Tòa án nhưng thực chất bà N không biết chính xác ông Đ bà Sáu đã chuyển đi đâu, đồng thời bà yêu cầu Tòa án lập các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật và thực hiện việc tống đạt, niêm yết cho ông Đ bà Sáu tại địa chỉ nơi cư trú và nơi ông Đ bà Sáu lập giấy cam kết ngày 30/8/2013 là địa chỉ đường T, Phường M, quận T

Theo đề nghị và yêu cầu của bà N, Tòa án nhân dân quận Tân Bình ban hành công văn số 638/TAQTB ngày 04/8/2017, gửi đến Bộ ngoại giao (Cục Lãnh sự), Bộ tư pháp, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc: "Đề nghị không tiếp tục thực hiện việc ủy thác tư pháp" và tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho ông Đ bà Sáu theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tại địa chỉ 320/6A Trường Chinh theo yêu cầu hợp lệ của bà N.

Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thủ tục, văn bản tố tụng cho ông Đ bà Sáu tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để ông, bà đến Tòa án trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng ông, bà vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, ngày 11/01/2018 bà N nộp đơn yêu cầu tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án có lập biên bản không tiến hành hòa giải được và ban hành Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã niêm yết hợp lệ thông báo này cho bị đơn; Tòa án tiếp tục tiến hành triệu tập hợp lệ ông Đ bà Sáu tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt hai lần không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo qui định của luật pháp.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Do ông Trần T Bình đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Bà N vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu đòi tài sản là số tiền ông Đ bà Sáu đã vay mượn tiền của bà N.

- Không yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H cùng có trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc ông Đ bà Sáu trả nợ cho bà N.

- Yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là: 1.800.000.000 (Một tỷ tám trăm triệu) đồng và số tiền lãi quá hạn theo lãi suất cơ bản 9%/năm (tương đương với 0.75%/ tháng) của ngân hàng nhà nước do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo 2 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Tiền lãi chậm thực hiện đối với số nợ 3.900.000.000 đồng từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/03/2014 (5 tháng 29 ngày):

- 3.900.000.000 đồng x 0.75% x 5 tháng = 146.250.000 đồng

- 3.900.000.000 đồng x 0.025%/ ngày x 29 ngày = 28.275.000 đồng

Tổng lãi giai đoạn 1 là:146.250.000 đồng + 28.275.000 đồng = **174.525.000 đồng**

Giai đoạn 2: Tiền lãi chậm thực hiện đối với số nợ 1.800.000.000 đồng từ ngày 02/04/2014 đến ngày Tòa án xét xử là (tức là ngày 28/3/2018) (47 tháng 25 ngày): 1.800.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 47 tháng = 634.500.000 đồng, 1.800.000.000 đồng x 0,025%/ngày x 25 ngày = 11.250.000 đồng,

Tổng cộng lãi giai đoạn 2 là:634.500.000 đồng +11.250.000 đồng = **645.750.000 đồng**

Tổng cộng gốc và lãi yêu cầu bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực là:

1.800.000.000 đồng + 174.525.000 đồng + 645.750.000 đồng + = 2.620.275.000 (hai tỷ, sáu trăm sáu hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình giữ nguyên Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2015/QĐ-BPKKTT ngày 22/10/2015 phong tỏa số tiền gởi tại tài khoản số 1290.100.1865.4818 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 để đảm bảo thi hành án.

- Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình yêu cầu Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Maxi Mark Cộng Hòa 2 (ACB) giải tỏa số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong tài khoản số 205559409 của khách hàng Nguyễn Thị N cho bà N mà ACB đã phong tỏa theo công văn số 341/CV-MC2.15 của Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Maxi Mark Cộng Hòa 2 (ACB).

Bị đơn:

- Đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử không rõ ý kiến hoặc yêu cầu và vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Hồng T và bà Nguyễn thị Lệ H:

Ngày 06/11/2017 ông Đặng Hồng T đã nộp đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 28/3/2018 ông Hưng là người đại diện hợp lệ cho bà H nộp đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án công bố đơn của ông T, bà H, vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà H theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 186 và tiến hành xét xử vụ án phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký thực hiện tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không sai phạm. Sau khi phân tích, đánh giá, nhận định về nội dung tranh chấp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đồng thời căn cứ yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận.

Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thẩm quyền:

Căn cứ Giấy cam kết do ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1947 và bà Lê Thị Sáu, sinh năm 1950 ký ngày 30/8/2013 thì giữa bà N và ông Đ bà Sáu đã phát sinh quan hệ Hợp đồng vay tài sản, bà N cho rằng ông Đ bà Sáu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên khởi kiện, xét đơn khởi kiện của bà N là phù hợp khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2]. Về người tham gia tố tụng:

- Về phía nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1947 và bà Lê Thị Sáu, sinh năm 1950; nên bà N tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là hợp lệ

- Về phía bị đơn: Ông Vũ Quốc Đ và bà Lê Thị Sáu ký Giấy cam kết ngày 30/8/2013, bà N cho rằng Ông Đ bà Sáu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên khởi kiện, do vậy ông Đ bà Sáu tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là hợp lệ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị lệ H: Là người lập các giấy mượn tiền của bà N nên bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là hợp lẽ.

- Ông Đặng Hồng T: Là chồng của bà Nguyễn Thị N nên ông T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là hợp lẽ.

[3]. Về sự tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Trong vụ án này Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiến hành thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với Điều 21, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Nội dung tranh chấp:

Bà N cho rằng ông Đ bà Sáu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, nên khởi kiện. Đây là nội dung tranh chấp cần xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Trần T Bình đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1. Về số tiền nợ gốc :

- Căn cứ lời trình bà của bà N cùng với việc xuất trình các chứng cứ là Giấy cam kết do ông Vũ Quốc Đ, bà Lê Thị Sáu ký tên ngày 30/8/2013, bản sao kê của Ngân hàng Công thương chi nhánh 12 thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/4/2014 về việc ông Đ bà Sáu chuyển 2.100.000.000 đồng vào tài khoản của bà N tại Ngân hàng này, nội dung chuyển tiền là "trả tiền cháu H mượn". Điều này có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận ông Đ bà Sáu có vay mượn tiền của bà N 3.900.000.000 đồng, ngày 01/4/2014 ông Đ bà Sáu trả cho bà N được 2.100.000.000 đồng, còn nợ lại 1.800.000.000 đồng là hợp lẽ. Vì vậy nay bà N yêu cầu ông Đ bà Sáu phải chịu trách nhiệm trả cho bà N 1.800.000.000 (một tỷ, tám tram triệu) đồng là chấm nhận được.

2. Về tiền lãi:

Khi thực hiện việc vay và cho vay, hai bên có thỏa thuận lãi xuất bằng miệng là 1,5%/tháng, nhưng từ ngày vay đến nay bị đơn không trả lãi, đồng thời ông Đ bà Sáu ký giấy cam kết ngày 30/8/2013 là sẽ thanh toán dứt điểm số nợ mượn của bà N vào cuối tháng 9/2013, nhưng bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn, như vậy bị đơn phát sinh nghĩa vụ, trách nhiệm chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, nên bà N yêu cầu bị đơn phải trả số lãi phát sinh từ ngày 01/10/2013 là hợp lẽ và bà N yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi xuất 9%/năm là không vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, do vậy bà N yêu cầu bị đơn phải trả lãi theo hai giai đoạn; giai đoạn 1 từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/03/2014 của số nợ 3.900.000.000 đồng là 174.525.000 đồng; giai đoạn 2 (ngày 01/4/2014 ông Đ bà Sáu chỉ trả được cho bà N 2.100.000.000 đồng vào tài khoàn của bà N tại Ngân hàng Công thương chi nhánh 12 Tân Bình còn nợ lại 1.800.000.000 đồng) từ ngày 02/4/2014 của số nợ 1.800.000.000 đồng là 645.750.000 đồng; tổng cộng tiền lãi là: 174.525.000 đồng + 645.750.000 đồng = 820.275.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi cần buộc bị đơn phải trả cho bà N là: 1.800.000.000 đồng + 820.275.000 đồng = 2.620.275.000 (hai tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Đối với ông Đ bà Sáu: bà N khởi kiện bị đơn đúng địa chỉ ghi trong giấy mượn tiền và hộ khẩu thường trú. Theo kết quả xác minh tại Công an phường 13, Tân Bình ngày 21/6/2017, ngày 24/11/2015 Công an phường 13, Tân Bình cho biết: "Ông Vũ Quốc Đ, sinh năm 1947 và bà Lê Thị Sáu, sinh năm 1950 có hộ khẩu thường trú tại số đường T, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh, không có mặt tại địa phương đi đâu không rõ", và không báo cho bà N biết. Như vậy bị đơn cố tình che dấu địa chỉ nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng và các giấy triệu tập cho bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng là phù hợp với điểm e, khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Đ bà Sáu vẫn vắng mặt không lý do và Tòa án nhân dân quận Tân Bình mở phiên tòa công khai xét xử vụ án, bị đơn đã được niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, biên bản hoãn phiên tòa

lần thứ nhất, giấy triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp với pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Lệ H: Mặc dầu trong số tiền bà nhận mượn nợ của bà N là 3.900.000.000 đồng, nhưng ngày 30/8/2013 ông Đ bà Sáu đã viết giấy cam kết là số tiền này do bà H mượn thay ông bà nên ông bà chịu trách nhiệm trả cho bà N, do vậy bà H không phải chịu trách nhiệm với bà N đối với số tiền 3.900.000.000 đồng và nay bà N không có yêu cầu bà H cùng chịu trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc ông Đ bà Sáu trả nợ cho bà N là thỏa đáng.

Từ nhận định, phân tích nên trên nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

3. Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà N trong thời hạn như bị đơn đã cam kết từ cuối tháng 9/2014; cho đến nay số nợ vốn và lãi tồn đọng gần 4 năm, vì vậy cần ấn định cho bị đơn phải trả hết số tiền nợ gốc và lãi cho bà N trong thời gian nhất định để tránh đi sự thiệt thòi cho cả đôi bên là thỏa đáng và cần phải duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2015/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình để đảm bảo thi hành án.

4. Do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm của bà N là phù hợp với pháp luật nên yêu cầu Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Maxi Mark Cộng Hòa 2 (ACB) giải tỏa ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong tài khoản số 205559409 của khách hàng Nguyễn Thị N cho bà N mà ACB đã phong tỏa theo công văn số 341/CV-MC2.15 của Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Maxi Mark Cộng Hòa 2 (ACB) là hợp lẽ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên phía bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e, khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 271, 273, Điều 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; căn cứ điểm đ, mục 2, khoản 1 phần I, Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 ;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Hồng T.

2. Buộc ông Vũ Quốc Đ và bà Lê Thị Sáu phải trả cho bà N và ông T số tiền 2.620.275.000 (hai tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là: 1.800.000.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số nợ 3.900.000.000 đồng từ ngày 01/10/2013 đến ngày 30/03/2014 là 174.525.000 đồng, tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với số nợ 1.800.000.000 đồng từ ngày 02/04/2014 đến ngày 28/3/2018 là 645.750.000 đồng; để bà N, ông T chấm đứt vụ kiện đối với ông Đ bà Sáu theo giấy cam kết trả nợ mà ông Đ bà Sáu đã ký ngày 30/8/2013.

- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.
- Địa điểm giao nhận tiền: Tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2015/QĐ-BPKCTT ngày 22/10/2015 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình cho đến khi ông Đ bà Sáu thi hành xong bản án này.

4. Yêu cầu Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Maxi Mark Cộng Hòa 2 (ACB) giải tỏa ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong tài khoản số 205559409 của khách hàng Nguyễn Thị N cho bà N mà ACB đã phong tỏa theo công văn số 341/CV-MC2.15 của Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Maxi Mark Cộng Hòa 2 (ACB).

5. Ghi nhận ý kiến bà N không có yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H cùng chịu trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc ông Đ bà Sáu trả nợ cho bà N.

6. Án phí Dân sự sơ thẩm là: 84.405.500 (tám mươi bốn triệu, bốn trăm lẽ năm nghìn, năm trăm) đồng ông Vũ Quốc Đ và bà Lê Thị Sáu phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là tiền tạm ứng án phí do bà N đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AB/2014/0004662 ngày 20/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên thành phố Hồ Chí Minh trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên thành phố Hồ Chí Minh trong 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Tân Bình;
- THA DS Q. Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

Võ Văn Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Đức